

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 11/11/2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Minh T, sinh năm 1992; có mặt.

Cư trú tại: khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh

- *Bị đơn:* chị Trần Thị Diễm T, sinh năm 1996; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ký túc xá – Công ty TNHH công nghệ S (Việt Nam), địa chỉ: Lô B2.2, đường C4, khu công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Phạm Thanh Đ – Luật sư, công tác tại Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị Diễm T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung cùng với cha mẹ của anh tại khu phố B, phường G. Đến năm 2018, vợ chồng xây nhà trên phần đất của cha, mẹ anh cho và chung sống đến nay. Vợ chồng cùng làm công nhân. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng dần bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 10-2021 vì chị T đi làm theo chế độ “03 tại chỗ” tại công ty, anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác vì anh phát hiện vợ của người đàn ông này đã đăng tin trên mạng xã hội với nội dung chỉ trích việc chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông này và anh phát hiện chị T thường xuyên nhắn tin với người khác. Anh không còn lòng tin về tình cảm đối với chị T. Ngoài ra, chị T không quan tâm, chăm sóc cuộc sống gia đình, thường xuyên vắng nhà nhưng anh không biết chị T đi đâu, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh đã tự ly thân từ tháng 01-2022, chị T đã dọn ra sống tại ký túc xá của công ty nơi chị T đang làm việc là Công ty TNHH S (Việt Nam) thuộc Khu công nghiệp T. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017. Vợ chồng anh đã đưa cháu Q về sống tại nhà của bà nội của chị T tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 01-2021 đến nay vì tại thời điểm đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh tại tỉnh Tây Ninh đang diễn biến căng thẳng trong khi tại tỉnh Đồng Tháp thì dịch Covid vẫn chưa phức tạp nên vợ chồng anh quyết định gửi cháu Q về sống cùng gia đình bà nội và chú của chị T nhằm đảm bảo sự an toàn của cháu Q. Từ khi gửi cháu Q thì khoảng 02-03 tuần, anh và chị T có về thăm cháu Q 01 lần. Tuy nhiên, từ sau khi vợ chồng mâu thuẫn, anh có đến thăm con nhưng gia đình chị T ngăn cản không cho anh gặp con và chửi mắng, hành hung anh nên anh không thể đến thăm cháu Q. Nay anh yêu cầu chị T giao cháu Q cho anh được nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm tài xế, chỉ làm giờ hành chính, thu nhập ổn định; anh đang sống cạnh nhà cha, mẹ của anh. Cha, mẹ chị T đã ly hôn, không còn chung sống với nhau và đã có gia đình khác nên không thể phụ giúp chị T nuôi con.

Về tài sản chung: anh và chị T đã tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - chị Trần Thị Diễm T trình bày:

Chị xác định lời trình bày của anh T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 9-2021 vì anh T thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ vô cớ do chị phải đi làm tại Công ty theo chế độ “03 tại chỗ”. Chị xác định chị không có quan hệ tình cảm với người đàn ông nào khác như anh T đã trình bày nhưng hiện tại chị và anh T không còn lòng tin về tình cảm đối với nhau. Ngoài ra, giữa chị và anh T thường xuyên gây gổ nhau vì kinh tế gia đình. Trong lúc gây gổ nhau, anh T nhiều lần đuổi chị đi, không tôn trọng chị. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 01-2022, do anh T đuổi chị đi nên chị đã dọn vào ký túc xá của công ty nơi chị đang làm việc để sống là Công ty TNHH S (Việt Nam) thuộc Khu công nghiệp T. Nay chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017. Hiện cháu Q đang sống cùng bà nội của chị là bà Trịnh Thị L và chú ruột của chị là ông Đồng Minh T tại ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Lý do vợ chồng chị đưa cháu Q về sống cùng bà nội và gia đình chú ruột chị là vì vào năm 2020, vợ chồng chị có gửi cháu Q đi học tại Nhà thờ B nhưng cháu không hoạt bát, lanh lợi, không chơi với bạn bè nên Nhà thờ không tiếp tục nhận cháu; vợ chồng chị đều phải đi làm, không có người phụ giúp chăm nom, đưa rước cháu Q đi học, mẹ ruột của anh T tuy sống cạnh nhà nhưng không phụ giúp chị trông nom cháu Q. Do đó, anh T đã đưa ra ý kiến rằng sẽ gửi cháu Q về sống cùng cụ L và gia đình ông T vì cha, mẹ của chị đã ly hôn và có gia đình mới, từ nhỏ chị đã sống cùng cụ L. Gia đình cụ L, ông T đông người, rất vui vẻ, hoạt bát và có con gái của ông T là chị Đồng Sơn T là giáo viên mầm non, có thể chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu Q tốt hơn. Từ khi gửi cháu Q về sống cùng cụ L và gia đình ông T, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T thì tình hình của cháu Q hiện tại rất tốt, cháu rất khỏe mạnh, hoạt bát. Sau khi vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, anh T tự ý một mình về nhà cụ L, ông T đón cháu Q thì gia đình chị không đồng ý nên giữa anh T và gia đình chị đã xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhau. Từ khi anh T và gia đình chị xung đột thì anh T không đến thăm cháu Q, cũng không gọi điện thoại thăm hỏi cháu Q. Hiện tại chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân rất ổn định. Nay chị không đồng ý giao cháu Q cho anh T nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tại Đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng đề ngày 13-5-2022, chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của chị và anh T gồm: 01 (một) căn nhà có diện tích ngang khoảng 4.5 m, dài khoảng 18 m tọa lạc tại khu phố B, phường Trảng Bàng, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, vợ chồng chị

đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Phạm Thanh
Đ trình bày: về con chung: anh T đã chủ động gửi cháu Q về nhà chị T từ tháng 01-2021 nhưng cha, mẹ của anh T không có thái độ phản ứng cho thấy mức độ thương con, cháu của gia đình anh T không quyết liệt. Khi cháu Q còn sống chung với anh T thì cháu có dấu hiệu tự kỷ, cha, mẹ của anh T chỉ có thể phụ chăm sóc về mặt ăn uống, không thể khắc phục chứng tự kỷ của cháu Q. Từ khi gửi cháu Q về nhà của chị T thì cháu Q phát triển rất tốt về thể chất và tinh thần, có giáo viên của cháu Q là chị Đồng Sơn T xác nhận. Do đó, việc chị T kết hợp với gia đình của chị T nuôi dưỡng cháu Q là tốt nhất. Anh T cho rằng có xảy ra xô xát, mâu thuẫn với gia đình chị T nhưng gia đình chị T không cản trở việc anh T thăm nom con mà chỉ cản trở việc anh T rước cháu Q, việc mâu thuẫn này cũng không có lỗi của chị T do chị T không có mặt lúc xảy ra xô xát. Từ ngày vợ chồng anh T xảy ra mâu thuẫn thì anh T cũng không đến thăm con, không thể hiện trách nhiệm trong việc chăm sóc và nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Trần Thị Diễm T.

2. Về con chung:

Buộc chị Trần Thị Diễm T có nghĩa vụ giao cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017 cho anh Lê Minh T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung. Ghi nhận chị T, anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, chị T kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Trần Thị Diễm T là ông Nguyễn Thanh Điền trình bày: Con chung của anh T và chị T là cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017, từ tháng 01 năm 2021 đã được anh chị thống nhất giao cho gia đình chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, từ 01 đứa trẻ có dấu hiệu của bệnh tự kỷ hiện nay cháu đã phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, chứng tỏ gia đình chị T đã chăm sóc tốt. Hiện tại chị T đã xin nghỉ việc ở Công ty cũ (Trảng Bàng) và đã ký hợp đồng lao động với HKD may Đại Phát, có địa chỉ ấp An Ninh, xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2.204,0m² tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có nhà ở hợp pháp có xác nhận của chính quyền địa phương. Hiện tại chị T đủ điều kiện nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giao cháu Q cho chị T nuôi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Con chung của anh T và chị T đã được anh chị thống nhất giao cho gia đình chị T nuôi dưỡng từ tháng 01 năm 2021, hiện tại cháu sinh sống ổn định và phát triển tốt, chị T đã nghỉ việc ở Công ty cũ và ký Hợp đồng với HKD may Đại Phát, có địa chỉ ấp An Ninh, xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có tài sản, nơi cư, có thu nhập, chị T đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của của chị T thấy rằng:

Anh T, chị T có 01 con chung là cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T, chị T đều xác nhận vào tháng 01-2021, vợ chồng anh chị cùng thống nhất gửi cháu Q về sống cùng bà nội và gia đình chú ruột của chị T tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho đến nay; vợ chồng anh T, chị T vẫn sống và làm việc tại thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, anh T và chị T đều có yêu cầu được nuôi cháu Q.

Cấp sơ thẩm đã xét về điều kiện kinh tế của anh T và chị T, điều kiện nơi cư trú và khả năng nuôi con của anh T và chị T, chị T không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và sống chung với cháu Q mà chị T vẫn sinh sống và làm việc tại thị xã T, Tây Ninh, chị T không có nơi cư trú ổn định, phải sống tại ký túc xá của Công ty nơi chị T làm việc, anh T có nhà ở ổn định và sống gần với cha, mẹ ruột của anh T. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T có về thăm cháu Q nhưng đã xảy ra mâu thuẫn và xung đột, xô xát với gia đình của chị T nên sau đó anh T không thể tiếp tục đến thăm cháu Q. Do đó, cấp sơ thẩm đã giao cháu Q cho anh T được nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm chị T cung cấp Đơn xin nghỉ việc tại Công ty TNHH công nghệ S (Việt Nam), ở Trảng Bàng vào ngày 09/9/2022, Hợp đồng lao động giữa chị T với HKD may Đại Phát ngày 20/9/2022, có địa chỉ ấp An Ninh, xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, Chị T đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2204,0m² tọa lạc xã K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có nhà ở hợp pháp có xác nhận của chính quyền địa phương.

Xét thấy hiện tại chị T đủ điều kiện để nuôi con và hơn nữa thời gian từ tháng 01 năm 2021 cháu Q đã sinh sống ổn định với gia đình của chị T, được chăm sóc tốt trong suốt thời gian dài, đảm bảo điều kiện phát triển, học hành đầy đủ. Hiện tại con chung của anh chị tính đến thời điểm xét xử chỉ hơn năm tuổi. Tại phiên tòa chị T cam kết sẽ tạo điều kiện để anh T thực hiện đầy đủ quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên xét thấy con chung của anh chị đang sinh sống ổn định với chị T, cần đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, ổn định tâm sinh lý nên tiếp tục giao con chung Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên sửa bản án sơ thẩm.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 73/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Trần Thị Diễm T.

Về con chung:

Giao cháu Lê Trần Đại Q, sinh ngày 14-4-2017 cho chị Trần Thị Diễm T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung. Ghi nhận chị T, anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: anh Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026485 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026597 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Trần Thị Diễm T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0026765 ngày 21-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã T;
- CCTHADS thị xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Thúy Hằng